

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với
thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 72/HĐND-VHXXH ngày 18/3/2026 của HĐND tỉnh về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh; trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1480/TTr-SVHTTDL ngày 16/4/2026 và ý kiến thống nhất của Ủy viên UBND tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi *(theo trình tự, thủ tục rút gọn)* với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi sáp nhập tỉnh, HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 quy định chế độ dinh dưỡng đặc

thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao đang tập trung tập huấn và thi đấu trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 về việc áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời ngày 30/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 349/2025/NĐ-CP về quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2026. Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; Chương II Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”.

Theo khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ có nêu: *“Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.”*

Vì vậy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết, đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Đảm bảo tính pháp lý cho việc thực hiện chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ và kịp thời xử lý các văn bản quy phạm pháp luật trước sáp nhập theo chỉ đạo Trung ương, của Tỉnh.

2. Quan điểm

Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tiễn của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của HĐND tỉnh tại Công văn số 72/HĐND-VHXX ngày 18/3/2026 về xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, thực hiện lấy ý kiến góp ý của

các cơ quan, đơn vị, địa phương; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 155/BC-STP ngày 15/4/2026 về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo hồ sơ trình UBND tỉnh. Đồng thời, Văn phòng UBND tỉnh xin ý kiến lãnh đạo UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến Ủy viên UBND tỉnh theo quy chế làm việc để làm cơ sở trình HĐND tỉnh.

Đến nay, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật liên quan.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm có 13 Điều, gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu

Điều 3. Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

Điều 4. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc

Điều 5. Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ

Điều 6. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Điều 7. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

Điều 8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

Điều 9. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

Điều 10. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

Điều 11. Kinh phí thực hiện

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Điều 13. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu

- Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển; đội tuyển trẻ; đội tuyển năng khiếu của tỉnh; đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành trên địa bàn tỉnh được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ

cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương quy định.

- Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ; đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

- + Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 430.000 đồng/người/ngày; Huấn luyện viên đội tuyển trẻ của tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

- + Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

- + Huấn luyện viên đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 250.000 đồng/người/ngày.

- + Vận động viên đội tuyển tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày; Vận động viên đội tuyển trẻ của tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày.

- + Vận động viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 110.000 đồng/người/ngày.

- + Vận động viên đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 90.000 đồng/người/ngày.

- + Nhân viên y tế không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Bác sĩ được chi trả tiền lương bằng tiền lương của huấn luyện viên đội tuyển tương ứng; kỹ thuật y được chi trả tiền lương bằng tiền lương của vận động viên đội tuyển tương ứng;

- + Nhân viên y tế đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng thấp hơn so với tiền lương quy định.

b) Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

- Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng.

- + Đội tuyển tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày; Đội tuyển trẻ của tỉnh: 250.000 đồng/người/ngày; Đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 190.000 đồng/người/ngày.

- + Đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 160.000 đồng/người/ngày.

- Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng hằng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý ở trong nước với cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

- Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau: Đội tuyển tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày; Đội tuyển trẻ của tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày; Đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày; Đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 240.000 đồng/người/ngày.

c) Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc

- Vận động viên đạt thành tích xuất sắc được hưởng chế độ hằng tháng theo các mức: Kien tướng quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng; Cấp I quốc gia: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian hưởng chế độ không quá 12 tháng tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phong đẳng cấp. Ngoài chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên tập huấn tại các đội tuyển quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành, vận động viên, huấn luyện viên được hỗ trợ hàng ngày như sau:

+ Tập huấn đội tuyển quốc gia: 230.000đ đồng/người/ngày.

+ Tập huấn đội tuyển trẻ quốc gia: 135.000đ đồng/người/ngày.

d) Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ

- Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ của tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ 1.100.000 đồng/người/tháng.

- Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao xã, phường, đặc khu và sở, ngành thuộc tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ 550.000 đồng/người/tháng.

đ) Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Được thưởng thêm bằng 40% mức thưởng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.

e) Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao vô địch quốc gia, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng			
		Huy chương Vàng (giải Nhất)	Huy chương Bạc (giải Nhì)	Huy chương Đồng (giải Ba)	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	15.000.000	9.000.000	6.000.000	6.000.000
2	Đôi	22.000.000	16.000.000	10.000.000	
3	Đồng đội	27.000.000	21.000.000	16.000.000	16.000.000
4	Toàn đoàn từng môn	30.000.000	23.000.000	17.000.000	
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	65.000.000	45.000.000	35.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	170.000.000	150.000.000	80.000.000	

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ quốc gia: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại Điều này.

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia (trẻ, thiếu niên, nhi đồng, các nhóm tuổi, các giải vô địch U): Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Điều này.

- Vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao vô địch khu vực, vùng, miền; các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng tại Điều này.

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng tại Điều này.

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tại Điều này.

f). Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia sẽ được hưởng theo mức thưởng tương ứng tại điểm e nêu trên.

g) Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng				
		Huy chương Vàng (giải Nhất)	Huy chương Bạc (giải Nhì)	Huy chương Đồng (giải Ba)	Giải khuyến khích, phong cách	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	1.000.000	700.000	400.000	200.000	400.000
2	Đôi	1.200.000	900.000	600.000		
3	Đồng đội	1.500.000	1.000.000	700.000		700.000
4	Toàn đoàn từng môn	2.000.000	1.500.000	1.000.000		
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	10.000.000	8.000.000	6.000.000	4.000.000	

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ cấp tỉnh hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng.

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng.

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng.

- Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng.

- Đối với các giải thi đấu TDTT cấp xã, phường, đặc khu và của các sở, ngành: Ban Tổ chức căn cứ quy mô hoạt động, nguồn kinh phí được giao và khả năng huy động các nguồn thu hợp pháp để quyết định cơ cấu giải thưởng; mức chi tối đa không quá 80% mức chi áp dụng cho giải cấp tỉnh.

h) Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh sẽ được hưởng các mức tương ứng theo mức thưởng tại điểm g nêu trên.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn lực, điều kiện đảm bảo

- Tuân thủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Dự kiến kinh phí thực hiện Nghị quyết mới sẽ làm phát sinh thêm kinh phí so với việc áp dụng Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ).

3. Dự kiến thời gian trình thông qua: Kỳ họp thứ hai HĐND tỉnh khóa XIV (dự kiến tổ chức vào tháng 4/2026).

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không có.

Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh;

(2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo nghị quyết;

(3) Báo cáo số 155/BC-STP ngày 15/4/2026 của Giám đốc Sở Tư pháp kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh

(4) Báo cáo số 1472/BC-SVHTTDL ngày 15/4/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

(5) Báo cáo số 1122/BC-SVHTTDL ngày 30/3/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc tế, quốc gia và giải thi đấu thể thao.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
- Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính, Tư pháp; Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, NC;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TTT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao
tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 26/2018/QH14;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ về việc quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao
tham gia tập trung tập huấn và thi đấu;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng .. năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chế độ, chính
sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa
bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chế độ, chính sách đối
với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tiền lương, chế độ dinh dưỡng; chế độ
đãi ngộ đặc thù; chế độ tiền thưởng theo thành tích thi đấu đối với thành viên đội thể
thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thành viên đội thể thao gồm:

- Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng
khieu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Nhân viên y tế (bác sĩ, kỹ thuật viên y) đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

3. Những nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 2. Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu

1. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển; đội tuyển trẻ; đội tuyển năng khiếu của tỉnh; đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương như sau:

a) Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả.

b) Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ; đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành tỉnh Quảng Ngãi không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh: 430.000 đồng/người/ngày.

b) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ của tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

c) Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

d) Huấn luyện viên đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 250.000 đồng/người/ngày.

đ) Vận động viên đội tuyển tỉnh: 360.000 đồng/người/ngày.

e) Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày.

f) Vận động viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 110.000 đồng/người/ngày.

g) Vận động viên đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 90.000 đồng/người/ngày.

3. Nhân viên y tế (bác sĩ, kỹ thuật viên y) đội tuyển, đội tuyển trẻ của tỉnh; đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Nhân viên y tế không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Bác sĩ được chi trả tiền lương bằng tiền lương của huấn luyện viên đội tuyển tương ứng; kỹ thuật viên y được chi trả tiền lương bằng tiền lương của vận động viên đội tuyển tương ứng.

b) Nhân viên y tế đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại điểm a khoản này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi nhân viên y tế được triệu tập chia cho 26 ngày.

4. Các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được hưởng tiền lương làm thêm giờ cho những ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền lương làm thêm giờ được xác định bằng mức tiền trả theo ngày quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này nhân với mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ Luật Lao động.

Điều 3. Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

a) Đội tuyển tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

b) Đội tuyển trẻ của tỉnh: 250.000 đồng/người/ngày.

c) Đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 190.000 đồng/người/ngày.

d) Đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 160.000đ/người/ngày.

2. Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng hằng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý ở trong nước với cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

3. Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

a) Đội tuyển tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày.

b) Đội tuyển trẻ của tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

c) Đội tuyển năng khiếu của tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

d) Đội tuyển thể thao các xã, phường, đặc khu và sở, ngành: 240.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc

1. Vận động viên đạt thành tích xuất sắc được hưởng chế độ hằng tháng theo các mức cụ thể như sau:

- Kiện tướng quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Cấp I quốc gia: 1.000.000 đồng/người/tháng.

2. Thời gian hưởng chế độ: Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chế độ không quá 12 tháng tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phong đẳng cấp.

Ngoài chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên tập huấn tại các đội tuyển quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành, vận động viên, huấn luyện viên được hỗ trợ hàng ngày như sau:

- Tập huấn đội tuyển quốc gia: 230.000 đồng/người/ngày.
- Tập huấn đội tuyển trẻ quốc gia: 135.000đ đồng/người/ngày.

Điều 5. Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ

1. Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ của tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ 1.100.000 đồng/người/tháng.

2. Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh, đội tuyển thể thao xã, phường, đặc khu và sở, ngành thuộc tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ 550.000 đồng/người/tháng.

Điều 6. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Huấn luyện viên, vận động viên được thưởng thêm bằng 40% mức thưởng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17 và khoản 1, 2, 4 Điều 18 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.

Điều 7. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao vô địch quốc gia, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng			
		Huy chương Vàng (giải Nhất)	Huy chương Bạc (giải Nhì)	Huy chương Đồng (giải Ba)	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	15.000.000	9.000.000	6.000.000	6.000.000
2	Đôi	22.000.000	16.000.000	10.000.000	
3	Đồng đội	27.000.000	21.000.000	16.000.000	16.000.000
4	Toàn đoàn từng môn	30.000.000	23.000.000	17.000.000	
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	65.000.000	45.000.000	35.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	170.000.000	150.000.000	80.000.000	

2. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ quốc gia: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia (trẻ, thiếu niên, nhi đồng, các nhóm tuổi, các giải vô địch U): Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao vô địch khu vực, vùng, miền; các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ quốc gia: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia (trẻ, thiếu niên, nhi đồng, các nhóm tuổi, các giải vô địch U): Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao vô địch khu vực, vùng, miền; các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

6. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

Điều 9. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

1. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, toàn đoàn từng môn và tập thể của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung môn thi đấu	Mức thưởng				
		Huy chương Vàng (giải Nhất)	Huy chương Bạc (giải Nhì)	Huy chương Đồng (giải Ba)	Giải khuyến khích, phong cách	Phá kỷ lục được thưởng thêm
1	Đơn	1.000.000	700.000	400.000	200.000	400.000
2	Đôi	1.200.000	900.000	600.000		
3	Đồng đội	1.500.000	1.000.000	700.000		700.000
4	Toàn đoàn từng môn	2.000.000	1.500.000	1.000.000		
5	Tập thể, đồng đội (từ 04 đến 10 vận động viên)	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
6	Tập thể (từ 11 vận động viên trở lên)	10.000.000	8.000.000	6.000.000	4.000.000	

2. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ cấp tỉnh hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Đối với các giải thi đấu TDTT cấp xã, phường, đặc khu và của các sở, ngành: Ban Tổ chức căn cứ quy mô hoạt động, nguồn kinh phí được giao và khả năng huy động các nguồn thu hợp pháp để quyết định cơ cấu giải thưởng; mức chi tối đa không quá 80% mức chi áp dụng cho giải cấp tỉnh.

Điều 10. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu vô địch trẻ cấp tỉnh hàng năm: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích các môn thi đấu của Hội thi thể thao quần chúng cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh tổ chức: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao cấp tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các môn thi đấu của các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này.

6. Trường hợp huấn luyện viên có từ 02 vận động viên trở lên lập thành tích tại nội dung môn thi đấu của giải thi đấu thể thao tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này thì mức thưởng bằng mức thưởng cao nhất của 01 vận động viên.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Nghị quyết này. Nhiệm

vụ thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 4 năm 2026.

2. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao đang tập trung tập huấn và thi đấu của tỉnh Quảng Ngãi; STT 3 Phụ lục Danh mục các nghị quyết quy phạm pháp luật quyết định áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa ... Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH